

Số: 297/QĐ-THCS&THPTHD

Đông Ngũ, ngày 23 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu sử dụng ngân sách, nguồn khác
Quý II năm 2025 của Trường THCS và THPT Hải Đông**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS VÀ THPT HẢI ĐÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của nhân viên kế toán Trường THCS và THPT Hải Đông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu sử dụng ngân sách nhà nước quý II năm 2025 của Trường THCS và THPT Hải Đông, theo các biểu đính kèm gồm:

(1)- Biểu số 3 (theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

(2)- Các biểu đối chiếu sử dụng ngân sách, nguồn khác quý II năm 2025 có xác nhận của Phòng giao dịch số 16, khu vực 3.

Thời gian công khai: **30** ngày, kể từ ngày 23/7/2025.

Hình thức và địa điểm công khai: Niêm yết tại phòng họp - Trường THCS và THPT Hải Đông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo nhà trường, tổ văn phòng, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS và THPT Hải Đông thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ninh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Nguyễn Trịnh Hiếu

Số: **283** /TB-THCS&THPT HD

Tiên Yên, ngày **10**...tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ II NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều củ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định giao dự toán 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước,chi ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán tcho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao; Quyết định số 182/QĐ-SGDĐT ngày 24/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh trung học phổ thông năm 2025-2026, dạy ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 và kinh phí hợp đồng lao động năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trường THCS&THPT Hải Đông thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách hết quý II năm 2025 đến toàn thể cá nhân, đơn vị liên quan, cụ thể như sau:

ĐV tính: Triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện đến hết quý II so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.277	4.035	0,5102	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.695	3.704	0,382	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.582	331	0,128	
2	nghe				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Trương trình mục tiêu				

3.1	và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	0	0	0	0
3.2	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025	0	0	0	0
3.3	Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội 9 Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)	0	0	0	0
3.4	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS tỉnh Quảng Ninh)	0	0	0	0

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Cá nhân, đơn vị liên quan;
- Công thông tin điện tử;
- Chính quyền điện tử;
- Lưu: VT



Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Trịnh Hiếu

3.1	và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	0	0	0	0
3.2	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025	0	0	0	0
3.3	Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội 9 Nghị quyết số 314/2020/NQ-HĐND ngày 07/12/2020)	0	0	0	0
3.4	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS tỉnh Quảng Ninh)	0	0	0	0

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- Cá nhân, đơn vị liên quan;
- Cổng thông tin điện tử;
- Chính quyền điện tử;
- Lưu: VT

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Trịnh Hiếu

Tiên Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2025

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
NGÂN SÁCH ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định giao dự toán 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao; Quyết định số 182/QĐ-SGDĐT ngày 24/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh trung học phổ thông năm 2025-2026, dạy ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 và kinh phí hợp đồng lao động năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trường THCS&THPT Hải Đông công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách hết quý II năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện đến hết quý II so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.277	4.035	0,5102	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.695	3.704	0,382	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.582	331	0,128	
2	nghe				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Trương trình mục tiêu				



THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2025

(Kèm theo công khai tình hình thực hiện hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định giao dự toán 5569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán cho các cơ quan, đơn vị kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao; Quyết định số 182/QĐ-SGDĐT ngày 24/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phân bổ kinh phí chi trả dạy thêm giờ cho giáo viên ôn thi tuyển sinh trung học phổ thông năm 2025-2026, dạy ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 và kinh phí hợp đồng lao động năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Trường THCS&THPT Hải Đông công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025 như sau:

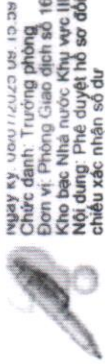
I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí: Không có

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

Dự toán được giao: 12.277.000.000đ. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) phân kinh phí tự chủ giữ lại ngân sách cấp tỉnh: 208.000.000đ

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đến hết quý II năm 2025 như sau

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	Cùng kỳ năm trước
1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	12.277	3.704	0,302
2	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ	2.109	66	0,031
3	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ (Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ đối với một số loại công việc theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ)	473	265	0,560



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hải Đông

Mã ĐVQHNS: 1032557

Mã cấp NS: 2

Ngày ký: 08/07/2025
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 16
Khoa học Nhà nước Khu vực III
Nơi đứng: Phòng Kế toán Hải Đông
chức xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐV/DT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
			Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	11=5-7-9
12	074	00000	0	1.531.000.000	613.000.000	2.144.000.000	2.144.000.000	281.820.074	330.980.074	0	0	1.813.019.926
13	074	00000	0	9.695.000.000	0	9.695.000.000	9.695.000.000	1.818.954.020	3.704.610.933	0	0	5.990.389.067
18	074	00000	0	438.000.000	0	438.000.000	438.000.000	0	0	0	0	438.000.000
Cộng:			0	11.664.000.000	613.000.000	12.277.000.000	12.277.000.000	2.100.774.094	4.035.591.007	0	0	8.241.408.993
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 8 tháng 7 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Tuấn

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

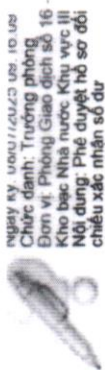
Ngày 8 tháng 7 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Lê Văn Tuấn
Ngày ký: 08/07/2025
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Kế toán số 16 - Khoa Kế toán và Kiểm toán
Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hải Đông
Đơn vị: Trường THPT Chuyên Hải Đông



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hải Đông

Mã ĐVQHNS: 1032557

Mã cấp NS: 2

Ngày ký: 08/01/2025 08:10:09
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Giáo dục số 16
Khu vực: Nhà nước Khu vực III
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 2 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	074	6051	00000	0	0	74.468.161	74.468.161	74.468.161	74.468.161
Phụ cấp khu vực	12	074	6102	00000	0	0	7.488.000	7.488.000	7.488.000	7.488.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	26.063.856	26.063.856	26.063.856	26.063.856
Các khoản hỗ trợ khác	12	074	6199	00000	0	0	-1.160.000	0	-1.160.000	0
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	13.031.929	13.031.929	13.031.929	13.031.929
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	2.234.046	2.234.046	2.234.046	2.234.046
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	1.489.400	1.489.400	1.489.400	1.489.400
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	744.682	744.682	744.682	744.682
Thuế phương tiện vận chuyển	12	074	6751	00000	0	0	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
Thuế lao động trong nước	12	074	6757	00000	0	0	48.000.000	48.000.000	48.000.000	48.000.000
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	33.585.000	33.585.000	33.585.000	33.585.000
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	74.675.000	74.675.000	74.675.000	74.675.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	891.306.000	1.782.210.105	891.306.000	1.782.210.105
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	26.676.000	50.893.187	26.676.000	50.893.187
Phụ cấp khu vực	13	074	6102	00000	0	0	46.332.000	92.664.000	46.332.000	92.664.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	074	6105	00000	0	0	6.447.600	6.447.600	0	6.447.600

Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	000000	0	0	2.808.000	5.616.000	2.808.000	5.616.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	000000	0	0	300.709.179	595.873.551	300.709.179	595.873.551
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	000000	0	0	5.967.000	12.636.000	5.967.000	12.636.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	000000	0	0	125.912.592	249.289.401	125.912.592	249.289.401
Các khoản hỗ trợ khác	13	074	6199	000000	0	0	0	10.300.000	0	10.300.000
Chi khác	13	074	6299	000000	0	0	0	4.510.000	0	4.510.000
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	000000	0	0	182.681.621	362.928.379	182.681.621	362.928.379
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	000000	0	0	31.316.850	62.216.294	31.316.850	62.216.294
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	000000	0	0	13.181.200	33.780.900	13.181.200	33.780.900
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	000000	0	0	10.438.950	20.738.765	10.438.950	20.738.765
Chi khác	13	074	6449	000000	0	0	13.455.000	22.300.200	13.455.000	22.300.200
Tiền điện	13	074	6501	000000	0	0	17.644.522	25.160.285	17.644.522	25.160.285
Tiền nước	13	074	6502	000000	0	0	24.570	57.330	24.570	57.330
Văn phòng phẩm	13	074	6551	000000	0	0	0	2.355.000	0	2.355.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	000000	0	0	0	6.700.000	0	6.700.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuế bao đường điện thoại, fax	13	074	6601	000000	0	0	70.036	114.036	70.036	114.036
Thuế bao kênh vệ tinh, thuế bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuế đường truyền mạng	13	074	6605	000000	0	0	10.693.000	13.723.000	10.693.000	13.723.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	000000	0	0	1.592.000	3.025.400	1.592.000	3.025.400
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	000000	0	0	8.080.000	11.290.000	8.080.000	11.290.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	000000	0	0	9.800.000	16.200.000	9.800.000	16.200.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	000000	0	0	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000
Khoản công tác phí	13	074	6704	000000	0	0	3.350.000	13.000.000	3.350.000	13.000.000
Thuế phương tiện vận chuyển	13	074	6751	000000	0	0	0	3.600.000	0	3.600.000
Chi phí thuê mượn khác	13	074	6799	000000	0	0	130.845.000	71.065.000	30.845.000	71.065.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	000000	0	0	6.000.000	7.310.000	6.000.000	7.310.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	074	6949	000000	0	0	0	8.950.000	8.950.000	8.950.000
Chi phí khác	13	074	7004	000000	0	0	0	0	0	0

Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	55.604.500	186.640.500	55.604.500	186.640.500
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	074	7053	00000	0	0	616.000	616.000	616.000	616.000
Chi tiếp khách	13	074	7761	00000	0	0	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
Phản KBNN ghi:	Cộng:				0	0	2.100.774.094	4.035.591.007	2.100.774.094	4.035.591.007

Chi chú: KBNN chi ghi vào "Phản KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Chi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 8 tháng 7 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Tuấn

Người ký: Lê Kiều Oanh
Ngày ký: 08/07/2025 09:36:09
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: Phòng Kế toán số 16 - Kiosk Nhà nước Khu vực III

Lê Kiều Oanh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 8 tháng 7 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Đinh Thị Thiên Lý

Nguyễn Trịnh Hiếu

Người ký: Nguyễn Trịnh Hiếu
Ngày ký: 08/07/2025 07:46:56
Đơn vị: Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hải Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai số liệu sử dụng
ngân sách nhà nước (NSNN), nguồn khác quý II năm 2025**

Hồi: 08 giờ 00, thứ 4, ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Tại: Phòng họp - Trường THCS và THPT Hải Đông.

Địa chỉ: Thôn Làng Đài, xã Đông Ngũ, tỉnh Quảng Ninh.

Chúng tôi gồm:

Ông (bà): Nguyễn Trịnh Hiếu

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Ông (bà): Đinh Thị Thiên Lý

Chức vụ: Kế toán.

Ông (bà): Lê Thị Nghĩa

Chức vụ: TB thanh tra nhân dân.

Ông (bà): Phạm Văn Tiến

Chức vụ: Tổ trưởng tổ văn phòng.

Cùng lập biên bản về việc niêm yết công khai số liệu sử dụng nguồn NSNN, nguồn khác quý II năm 2025 (nội dung, biểu mẫu công khai thực hiện theo quy định tại Điều 1, Quyết định số 297 ngày 23/7/2025 của Trường THCS và THPT Hải Đông).

Thời gian niêm yết: **30** ngày, từ nay đến hết ngày 25/8/2025.

Biên bản được lập thành 03 bản, kế toán giữ 01 bản, Trưởng ban thanh tra nhân dân giữ 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ văn thư./.

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Trịnh Hiếu

Người niêm yết

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Văn Tiến

Trưởng ban TTND

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Nghĩa

Kế toán

(Ký, ghi rõ họ tên)



Đinh Thị Thiên Lý